

Bản án số: 41/2018/HS-PT

Ngày 13-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hùng

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Minh Khánh

Ông Hồ Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Kim Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 63/2018/TLPT-HS ngày 28 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn C và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2018/HS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh ngày 01/02/1974, tại thành phố T;

Nơi cư trú: Thôn 8, xã Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Phạm Thị M, sinh năm 1944; Có vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 và có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 01/12/2014, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với C về hành vi đánh bạc; đã nộp phạt vào ngày 02/12/2014; tạm giữ, tạm giam: Không

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Vắng mặt, có đơn xin rút kháng cáo tại phiên tòa).

2. Chu Văn T, sinh ngày 18/02/1985, tại thành phố T;

Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Cao Lan; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Con ông Chu Văn T, sinh năm 1941 và bà Ban Thị T, sinh năm 1948; Có vợ Ngô Thị L, sinh năm 1993 và có 01 con, sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 67/2014/HSST ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Chu Văn T 5.000.000 đồng về tội Đánh bạc, phải nộp 200.000 đồng án phí (Tổng số tiền đánh bạc trong vụ án 3.100.000 đồng) T đã nộp án phí ngày 18/11/2014, số tiền phạt 5.000.000 đồng miễn chấp hành hình phạt chính theo Quyết định số 37/2017/QĐ-TA, ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T; Quyết định về việc đình chỉ thi hành án số 70/QĐ-CCTHADS ngày 28/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Tạm giữ, tạm giam: Không

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.(Có mặt).

3. Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 16/9/1986, tại thành phố T;

Nơi cư trú: Thôn S, xã A, thành phố T, Tuyên Quang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Giới tính: Nam; Con ông: Nguyễn Văn P, sinh năm 1958 và bà Dương Thị T, sinh năm 1960; Có vợ: Lý Thị M, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Có 02 tiền án:

+ Bản án số 112/2008/HSST ngày 31/10/2008 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt H 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản bị trộm cắp 19.582.000 đồng). Tổng hợp với hình phạt 2 năm 6 tháng tù của Bản án số 43/2008/HSST ngày 23/5/2008 của Tòa án nhân dân thị xã T, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 năm 06 tháng tù; chấp hành xong hình phạt 22/3/2011.

+ Bản án số 90/2012/HSST ngày 18/12/2012 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Hùng 01 năm 3 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản (giá trị tài sản bị trộm cắp là 24.000.000 đồng). Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 03 năm 6 tháng của Bản án số 16 ngày 04/4/2012, buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 năm 9 tháng tù. Ra trại ngày 22/3/2016.

Nhân thân: Bản án số 43/2008/HSST ngày 23/5/2008 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản

(tổng giá trị tài sản là 41.030.000 đồng); Bản án số 137/2011/HSST ngày 27/12/2011 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt H 02 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. (giá trị tài sản trộm cắp là 25.000.000 đồng); Bản án số 16/2012/HSST ngày 04/4/2012 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt H 01 năm 3 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp với hình phạt 02 năm 03 tháng tù của Bản án số 137 ngày 27/12/2011 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 năm 06 tù.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/8/2017 đến ngày 05/9/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Vắng mặt có đơn xin rút kháng cáo tại phiên tòa).*

4. Nguyễn Văn V, sinh ngày 20/6/1967, tại thành phố T; Nơi cư trú: Thôn 8, xã Đ, thành phố T, Tuyên Quang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Giới tính: Nam; Con ông: Nguyễn Văn N (Đã chết) và bà Phạm Thị M, sinh năm 1944; Có vợ: Lưu Thị H, sinh năm 1971 và 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1993

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 82/2004/STHS ngày 05/12/2004 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Nguyễn Văn V 03 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc (Tổng số tiền đánh bạc trong vụ án 1.070.000đồng); đã chấp hành xong bản án ngày 5/12/2005.

Tạm giữ, tạm giam: Không

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Vắng mặt có đơn xin rút kháng cáo tại phiên tòa).*

5. Âu Văn H1, sinh ngày 20/8/1974, tại thành phố T.

Nơi cư trú: Thôn K2, xã Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Cao Lan; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Giới tính: Nam; Con ông: Âu Kim M, sinh năm 1944 và bà: Ninh Thị K, sinh năm 1943; Có vợ: Lương Thị N, sinh năm 1977 và 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Có 01 tiền án: Bản án số 35/2016/HSST ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt Âu Văn H1 04 tháng tù, phạt tiền 4.000.000 đồng về tội Đánh bạc, phải nộp 200.000 đồng án phí(Tổng số tiền đánh bạc trong vụ án là 81.480.000đồng), ra trại ngày 21/4/2017;

Nhân thân: Ngày 14/11/2014, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Âu Văn H1 về hành vi

đánh bạc, phạt tiền 1.500.000 đồng đã thi hành xong ngày 17/11/2014; Bản án số 27/2016/HSST ngày 25/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt Âu Văn H1 03 tháng tù về tội Đánh bạc;Tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.(Vắng mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Chu Văn T:* Bà Bùi Thị L và ông Lê Quý T – Luật sư Văn phòng Luật sư B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: số nhà 118, tổ 14, đường N, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.(Có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 11 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 27/8/2017, Nguyễn Văn C gọi điện thoại bàn bạc với Chu Văn T thực hiện tổ chức đánh bạc, phân công T đi tìm địa điểm đánh bạc tại thôn Đ, xã C, huyện S, C chuẩn bị dụng cụ đánh bạc gồm: bạt dứa, bát, đĩa, bình ắc quy, 2 bóng điện, bộ bài lơ khơ và thuê xe ô tô của Nguyễn Phùng T (sinh năm 1973, trú tại thôn 8, xã Đ, thành phố T) và Nguyễn Văn D (sinh năm 1976, trú tại thôn K, xã Đ, thành phố T) để chở các đối tượng đi đánh bạc (Khi thuê xe chở các đối tượng đến thôn Đ, xã C, Chiều không nói cho T và D biết mục đích để đi đánh bạc). C phân công Tạ Văn S là anh vợ C, canh gác, cảnh giới cho các đối tượng đánh bạc.

Sau đó, T chỉ đường cho Nguyễn Văn C đưa Lê Thị Lan A, Phạm Tuấn M, Nguyễn Mạnh H, Trần Văn N, Trần Văn S, Trần Văn L, Đinh Viết D, Nguyễn Văn V, Âu Văn H1, Nguyễn Hữu T, Đặng Văn Q, Lê Thanh B, Phạm Tuấn M, Tạ Văn S, Đỗ Hữu S đi trên 02 xe ô tô do C thuê đến đồi cây keo thuộc thôn Đ, xã C, huyện S để đánh bạc. Khi đến nơi, C phân công Tạ Văn S đứng ở vị trí chân đồi để canh gác, C cùng mọi người đi tiếp khoảng 500m đến một bãi đất trống giữa đồi thì C trải bạt và lấy dụng cụ ra để phục vụ mọi người đánh bạc, S lấy que đóm làm quân vị. Sau đó, tất cả ngồi xuống đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa và đánh bằng vị được thua bằng tiền, quy định mức sát phạt từ 100.000 đồng trở lên, V là người xóc cái, S cầm bằng vị. Nguyễn Thanh B không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng có hành vi cho Trần Văn N vay 2.000.000 đồng để đánh bạc. Nguyễn Văn C cho Trần Văn L vay 5.000.000 đồng và cho Nguyễn Văn V vay 20.000.000 đồng để đánh bạc và góp 4.000.000 đồng với Trần Văn S để đánh bằng vị. Ngoài ra, còn có anh Đinh Đức Đ và Phạm Minh T chỉ xem mọi người đánh bạc, không tham gia

đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc đến 01 giờ ngày 28/8/2017 thì bị Tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện S phát hiện và bắt giữ Trần Văn N, Lê Thị Lan A, Phạm Tuấn M, Nguyễn Mạnh H cùng toàn bộ tang vật, còn các đối tượng khác bỏ chạy.

Quá trình điều tra đã chứng minh:

1. Nguyễn Văn C: Tổ chức cho các đối tượng đánh bạc và tham gia đánh bạc, C góp 4.000.000 đồng cho Trần Văn S để đánh bằng vị, cho Trần Văn L vay 5.000.000 đồng, cho Nguyễn Văn V vay 20.000.000 đồng để đánh bạc.

2. Chu Văn T: Tổ chức cho các đối tượng đánh bạc, thu tiền hồ của các đối tượng Nguyễn Mạnh H, Lê Thị Lan A, Trần Văn N, Phạm Tuấn M, Nguyễn Văn V, Đỗ Hữu S, Đinh Viết D, Đặng Văn Q được số tiền 1.400.000 đồng.

3. Nguyễn Văn V: Có 1.500.000 đồng, trong quá trình đánh bạc nộp 200.000 đồng tiền hồ, còn lại 1.300.000 đồng sử dụng đánh bạc, thua hết, Việt vay của Nguyễn Văn C 20.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc, khi Công an đến bỏ chạy, còn lại 3.000.000 đồng. Ngày 04/9/2017, V tự giác giao nộp số tiền trên cho Cơ quan điều tra. Tổng cộng V có 21.300.000 đồng sử dụng để đánh bạc.

4. Nguyễn Mạnh H: Có 3.000.000 đồng, trong quá trình đánh bạc nộp 200.000 đồng tiền hồ cho T, còn lại 2.800.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc. Sau khi thua hết tiền vay của đối tượng tên C (chưa xác định họ, địa chỉ cụ thể) 4.750.000 đồng để đánh bạc, thua còn lại 5.550.000 đồng (đã giao nộp). Tổng cộng H có 7.550.000 đồng sử dụng đánh bạc.

5. Âu Văn H1: Có 600.000 đồng sử dụng đánh bạc, thua hết.

Tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc là: 68.750.000 đồng, nhưng tổng số tiền Cơ quan điều tra thu giữ được trên chiếu bạc và trên người của các bị cáo, tiền các bị cáo tự nguyện nộp là 71.550.000 đồng, còn chênh lệch số tiền 2.800.000 đồng, do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về số tiền này.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2018/HS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn C phạm hai tội: "Đánh bạc" và "Tổ chức đánh bạc"; bị cáo Chu Văn T phạm tội "Tổ chức đánh bạc"; các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Mạnh H, Âu Văn H1 phạm tội "Đánh bạc".

1. Căn cứ: Khoản 1, 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; đoạn 1, đoạn 2 điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 38; áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với tội Đánh bạc:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 01 (một) năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc"; 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính

từ ngày vào trại chấp hành án. Phạt tiền 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) sung quỹ nhà nước.

2. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999; đoạn 1, đoạn 2 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Chu Văn T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào trại chấp hành án. Phạt tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) sung quỹ nhà nước.

3. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; đoạn 1, đoạn 2 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào trại chấp hành án. Phạt tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) sung quỹ nhà nước.

4. Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; đoạn 1, đoạn 2 điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào trại chấp hành án. Được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/08/2017 đến ngày 05/09/2017. Phạt tiền bị cáo 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) sung quỹ nhà nước.

5. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; đoạn 1, đoạn 2 điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Âu Văn H1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào trại chấp hành án. Phạt tiền bị cáo 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử phạt tù, cho hưởng án treo đối với các bị cáo khác về tội “Đánh bạc” và quyết định hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018, bị cáo Nguyễn Văn V có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, bị cáo Chu Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, bị cáo Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt, bị cáo Âu Văn H1 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt và hưởng án treo.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, bị cáo Nguyễn Mạnh H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn V,

Nguyễn Mạnh H vắng mặt có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Âu Văn H1 có mặt xin rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo. Bị cáo Chu Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo.

Sau khi kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật; đơn kháng cáo của các bị cáo hợp lệ trong hạn luật định; thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự tố tụng.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết liên quan đến vụ án trên cơ sở các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, đánh giá vai trò, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C phạm hai tội: "Đánh bạc" và "Tổ chức đánh bạc"; bị cáo Chu Văn T phạm tội "Tổ chức đánh bạc"; các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Mạnh H, Âu Văn H1 phạm tội "Đánh bạc" là đúng người, đúng tội, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn V, Nguyễn Mạnh H vắng mặt nhưng có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo; bị cáo Âu Văn H1 có mặt xin rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo. Việc rút kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn V, Nguyễn Mạnh H, Âu Văn H1.

Đối với bị cáo Chu Văn T tại phiên tòa phúc thẩm giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo và xuất trình thêm tình tiết mới: Văn bản số 1305/CSHS ngày 03/8/2018 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang về việc bị cáo đã tích cực giúp Cơ quan điều tra phát hiện và bắt giữ đối tượng Bàn Văn H và Biên lai nộp khoản tiền phạt 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cần áp dụng thêm cho bị cáo. Mặt khác, trong vụ án này bị cáo Nguyễn Văn C là người giữ vai trò chủ mưu, khởi xướng việc tổ chức đánh bạc, bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo C 01 (một) năm tù về tội Tổ chức đánh bạc; còn bị cáo Chu Văn T chỉ tham gia với vai trò đồng phạm với bị cáo C là tìm địa điểm và thu tiền hồ giúp sức cho bị cáo C trong tội Tổ chức đánh bạc. Tòa án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo T với mức hình phạt 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, cao hơn mức án của bị cáo C là không đảm bảo sự công bằng.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng: Áp dụng khoản 1, 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự

năm 1999; đoạn 1, đoạn 2 điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Chu Văn T 01 năm tù về tội Tổ chức đánh bạc, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo. Ghi nhận bị cáo đã nộp khoản tiền phạt 5.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Luật sư Bùi Thị L bào chữa cho bị cáo Chu Văn T trình bày quan điểm bào chữa: Về tội danh bị cáo T bị truy tố về tội Tổ chức đánh bạc là đúng người đúng tội. Tuy nhiên, mức án xử phạt bị cáo 01 năm 02 tháng tù là cao, chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo với vai trò là đồng phạm, giúp sức bị cáo C thu tiền hồ; thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm; hoàn cảnh bị cáo khó khăn, là lao động chính; có nơi cư trú ổn định rõ ràng; tuy bị cáo đã một lần bị kết án nhưng đã được miễn trách nhiệm hình sự, không coi là có án tích. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1, 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo 01 năm tù cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư Lê Quý T bào chữa cho bị cáo Chu Văn T trình bày quan điểm bào chữa: Nhất trí như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và luật sư Bùi Thị L đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1, 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo 01 năm tù cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo T có ý kiến tranh luận: Nhất trí như đề nghị của Viện kiểm sát và quan điểm bào chữa của các luật sư, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Văn V vắng mặt nhưng có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Bị cáo Âu Văn H1 có mặt rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo. Việc rút kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo; Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2018/HS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của

Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang có hiệu lực thi hành đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn V, Nguyễn Mạnh H, Âu Văn H1 kể từ ngày Tòa án cấp phúc thẩm quyết định Đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Đối với bị cáo Chu Văn T tại phiên tòa phúc thẩm giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Do vậy có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ 22 giờ ngày 27/8/2017 đến 01 giờ ngày 28/8/2017, tại khu vực đồi keo thuộc thôn Đ, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nguyễn Văn C và Chu Văn T đã thực hiện hành vi tổ chức cho các bị cáo khác đánh bạc, trong đó C là khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị dụng cụ đánh bạc, phân công Tạ Văn S canh gác và tham gia đánh bạc; Chu Văn T là người chỉ địa điểm và thu tiền hồ của các đối tượng đánh bạc được 1.400.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là: 68.750.000 đồng.

[2] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và nội dung kháng cáo của bị cáo Chu Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự, an toàn công cộng và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo về tội Tổ chức đánh bạc, theo khoản 1, 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T xuất trình thêm Biên lai thu tiền phạt 5.000.000 đồng và tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng; Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang xác nhận tại Văn bản số 1305/CSHS ngày 03/8/2018 đề nghị xem xét cho bị cáo đã tích cực giúp cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang phát hiện và bắt giữ đối tượng Bàn Văn H phạm tội giết người xảy ra ngày 29/4/2018 tại thôn 4, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cần áp dụng cho bị cáo khi lượng hình. Xét bị cáo T thực hiện hành vi Tổ chức đánh bạc với vai trò là đồng phạm giản đơn, giúp sức cho bị cáo C thu tiền hồ 1.400.000 đồng chưa được hưởng lợi và chuẩn bị địa điểm cho các đối tượng đánh bạc; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực giúp cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang phát hiện tội phạm; tự nguyện nộp tiền phạt 5.000.000 đồng; bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng; tuy nhân thân bị cáo đã có 01 lần bị kết án tại Bản án số 67/2014/HSST ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 5.000.000 đồng về tội Đánh bạc, nhưng do chính sách pháp luật thay đổi, hành vi của bị cáo không cấu thành tội phạm,

nên bị cáo đã được miễn chấp hành hình phạt chính theo Quyết định số 37/2017/QĐ-TA, ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, việc Tòa án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo T với mức hình phạt 01(một) năm 02 (hai) tháng tù, cao hơn mức án của bị cáo C là không đảm bảo sự công bằng.

Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Chu Văn T, sửa bản án hình sự sơ thẩm, giảm một phần mức hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Bị cáo Chu Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn V, Nguyễn Mạnh H, Âu Văn H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Văn V, Âu Văn H1; Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2018/HS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang có hiệu lực thi hành đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn V, Nguyễn Mạnh H, Âu Văn H1 kể từ ngày Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định Đình chỉ xét xử phúc thẩm.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Chu Văn T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 43/2018/HS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt như sau:

Căn cứ: khoản 1, 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Chu Văn T 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm về tội “Tổ chức đánh bạc”; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án hình sự phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T, Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Chu Văn T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án

hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án buộc bị cáo Chu Văn T phải chấp hành hình phạt tù của bản án này đã cho bị cáo được hưởng án treo.

Ghi nhận bị cáo đã nộp khoản tiền phạt 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) tại Biên lai số 0000018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

3. Về án phí: Các bị cáo Chu Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn V, Nguyễn Mạnh H, Âu Văn H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (13/11/2018).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện S;
- VKSND huyện S;
- CQCSĐT Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Hùng